

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-PT.

Ngày: 15/5/2020.

V/v : “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Thẩm phán:

- Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Ông Ong Thân Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 15/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2020/TLPT- HNGĐ ngày 01/4/2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 109/2019/HNGĐ - ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2020/QĐ-PT ngày 22/4/2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Anh Trần Văn H, sinh năm 1971

(Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Công tác tại Phòng tham mưu Lữ đoàn 2, Quân đoàn x.

Địa chỉ: Thôn Ai, xã Phượng S, huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1971 (có mặt)

Trú quán: Thôn Hợp Thành, xã Trù H, huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang.

***Người kháng cáo:** Chị Trần Thị H- là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

**Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo anh Trần Văn H trình bày:* Anh kết hôn với chị Trần Thị H vào ngày 21 tháng 7 năm 1990. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức

cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là tỉnh Nam Định). Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng nhau ngay và ở chung với gia đình anh tại thôn Kênh Đào - Minh Thuận - Vụ Bản - Hà Nam Ninh (nay là tỉnh Nam Định). Năm 2011 hai vợ chồng chuyển lên sinh sống tại thôn Hợp Thành, xã Trù H, huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Anh H cho rằng từ tháng 4 năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không có sự đồng cảm, không tôn trọng nhau nên anh H sống ly thân chị H từ tháng 04 năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng với chị H không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Trần Thị Thu Ph, sinh ngày 04/6/1994, cháu Trần Trung H, sinh ngày 04/8/2003. Vợ chồng ly hôn, cháu Ph đã lớn trên 18 tuổi, đã lập ra đình riêng tự lo được cuộc sống của mình nên anh chị không có yêu cầu gì. Về cháu Trần Trung H anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không kê khai nên đề nghị Tòa án không giải quyết về tài sản. Về công nợ anh H trình bày vào tháng 12 năm 2016 do cần tiền để lo việc cho con gái nên vợ chồng anh có đến nhà chị Đỗ Thị H1 hỏi vay số tiền 50.000.000 đồng. Vợ chồng anh trực tiếp nhận số tiền trên. Khoản vay này chị H điện cho anh là đã trả xong cho chị H1 rồi. Anh xác định nguồn tiền chị H trả cho chị H1 là tiền của gia đình. Nay chị H yêu cầu anh phải trả số tiền 50.000.000 đồng anh không đồng ý. Nếu có phải trả thì anh yêu cầu mỗi người trả 1 nửa là 25.000.000 đồng. Anh H trình bày anh H, chị H có vay của mẹ chị H là bà Hoàng Thị Liễu số tiền 10.000.000 đồng, đây là tiền nợ chung của vợ chồng, nhưng anh tự trả và ngày 03/11/2019 anh H đã đến nhà của chị Trần Thị Thúy ở ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (chị Thúy là em gái ruột của chị H) để trả lại bà Liễu số tiền 10.000.000 đồng và có làm đơn xác nhận có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, có chữ kí người nhận bà Hoàng Thị Liễu, người làm chứng chị Trần Thị Thúy. Vào tháng 01 năm 2017 vợ chồng anh H có cho vợ chồng anh Nguyễn Trí Kiên vay số tiền 30.000.000 đồng. Đến tháng 4 năm 2017 thì chị H gọi điện đòi nên vợ chồng anh Kiên đã đem tiền đến trả chị H mà không có mặt anh. Anh H đề nghị chị H phải trả 1 nửa số tiền cho anh vì đây là tài sản chung của vợ chồng.

Cháu Trần Trung H trình bày nguyện vọng muốn ở với anh H.

**Tại bản tự khai lời khai tiếp theo và tại phiên toà chị Trần Thị H trình bày:*
Chị và anh Trần Văn H kết hôn vào ngày 21 tháng 7 năm 1990. Trước khi kết hôn

hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là tỉnh Nam Định). Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng nhau ngay và ở chung với gia đình bên chồng tại thôn Kênh Đào - Minh Thuận - Vụ Bản - Hà Nam Ninh (nay là tỉnh Nam Định). Năm 2001 hai vợ chồng chuyển lên sinh sống tại thôn Hợp Thành, xã Trù H, huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng từ cuối năm 2016, nguyên nhân do anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không được, và hai vợ chồng anh chị sống ly thân nhau từ cuối năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa nên anh H xin ly hôn thì chị H nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Trần Thị Thu Ph, sinh ngày 04/6/1994, cháu Trần Trung H, sinh ngày 04/8/2003. Khi vợ chồng ly hôn, cháu Ph đã lớn trên 18 tuổi, đã lập ra đình riêng tự lo được cuộc sống của mình nên anh H, chị H không có yêu cầu gì. Về cháu Trần Trung H chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H và yêu cầu anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 10.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Còn cháu Ph đã trưởng thành, tự lo được cho bản thân nên chị không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không kê khai nên không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản. Về công nợ vào ngày 09 tháng 12 năm 2016 chị có đến nhà chị Đỗ Thị H1 hỏi vay số tiền 50.000.000 đồng để cho anh H đi chi tiêu việc riêng cá nhân, số tiền này anh H nhận từ tay chị. Chị đã trả chị H1 rồi nên giờ chị yêu cầu anh H phải trả số tiền trên. Ngoài ra anh H còn vay mẹ chị H là bà Hoàng Thị Liễu số tiền 10.000.000 đồng, nay bà Liễu đã ủy quyền cho chị H, nên anh H phải trả cho chị số tiền này.

* Với nội dung nêu trên, bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 109/2019/HNGĐ- ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang đã quyết định: Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 27, Điều 37, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Văn H được ly hôn chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Trần Trung H, sinh ngày 04/8/2003. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị H được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4.Về vay nợ: Bác yêu cầu của chị Trần Thị H đòi anh Trần Văn H phải trả số tiền 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/12/2019, bị đơn là chị Trần Thị H có đơn kháng cáo bản án về phần vay nợ và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc anh H phải trả chị số tiền nợ là 60.000.000 đồng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xin vắng mặt, không có đơn xin rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bị đơn là chị Trần Thị H trình bày: Về chi tiết anh chị chuyển từ Nam Định về Lục Ngạn, Bắc Giang sống chị xác định là từ năm 2001, anh H trình bày từ năm 2011 là không đúng. Chị không nhất trí việc anh H không phải trả chị số tiền 50.000.000đồng. Chị vay tiền cho anh H nhưng sau khi anh H cầm tiền đi khỏi nhà từ đó đến nay anh H chi tiêu cá nhân hết. Chị phải vay mượn để trả số tiền 50.000.000đồng này trong vòng 3 ngày nên chị yêu cầu anh H phải trả chị số tiền này. Tuy nhiên, chị không có tài liệu chứng cứ gì về việc anh H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Về số tiền 10.000.000đồng anh H đã trả cho mẹ chị nên chị không yêu cầu nữa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

+Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật dân sự xác định khoản nợ 50.000.000đồng là nợ chung nên cần buộc anh H phải trả cho chị H một nửa số tiền 50.000.000đồng là 25.000.000đồng. Buộc anh H và chị H mỗi người phải chịu 1.250.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của chị Trần Thị H được nộp cho Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn trong thời hạn quy định của pháp luật và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Do đó kháng cáo của chị Trần Thị H là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Trần Văn H đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án về việc mở phiên tòa. Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy HĐXX căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 296- Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn H.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị H đề nghị anh Trần Văn H trả cho chị số tiền nợ là 60.000.000 đồng trong đó 50.000.000 đồng là tiền chị H vay của chị Đỗ Thị H1 để cho anh H đi chi tiêu việc riêng cá nhân và 10.000.000 đồng là tiền anh H vay của bà Hoàng Thị Liễu, HĐXX thấy:

[3.1]. Đối với khoản tiền 50.000.000 đồng chị H trình bày vay của chị Đỗ Thị H1 để cho anh H đi chi tiêu việc riêng cá nhân, thì thấy: Anh Trần Văn H và chị Trần Thị H đều thừa nhận chị H có vay của chị Đỗ Thị H1 50.000.000 đồng và đến nay chị H đã trả xong số tiền này cho chị Hường. Chị H trình bày đây là số tiền chị vay cho anh H chi tiêu việc riêng cá nhân nhưng chị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Đây là khoản vay của hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và đã được trả trong thời kỳ hôn nhân. Anh H trình bày số tiền này được sử dụng để lo công việc cho con gái là cháu Trần Thị Thu Ph. Do đó, cần xác định đây là nợ chung của hai vợ chồng. Việc chị H yêu cầu anh H phải trả lại cho chị số tiền 50.000.000 đồng này là không có căn cứ.

[3.2]. Đối với khoản tiền 10.000.000 đồng vay của bà Hoàng Thị Liễu, xét thấy: Bà Hoàng Thị Liễu đã ủy quyền cho chị Trần Thị H nhận số tiền 10.000.000 đồng anh Trần Văn H vay của bà. Số tiền này anh Trần Văn H đã nộp cho Tòa án nhân dân huyện Lục Ng để trả cho chị Trần Thị H nhưng chị H từ chối nhận. Ngày 03/11/2019, anh Trần Văn H đã trả số tiền này cho bà Hoàng Thị Liễu, bà Liễu đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì thêm. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H không yêu cầu anh H phải trả nữa nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Từ những nội dung trên, HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị H, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản sơ thẩm.

[4]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của chị Trần Thị H không được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị H. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số:

109/2019/HNGĐ - ST ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang.

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 27, Điều 37, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ các Điều 6, Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Văn H được ly hôn chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Trần Trung H - Sinh ngày 04/8/2003. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị H được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về vay nợ: Không chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H đòi anh Trần Văn H phải trả số tiền 50.000.000 đồng.

5. Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh H đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ng theo biên lai thu số: AA/2018/0005714 ngày 23/9/2019. Xác nhận anh H đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm. Chị Trần Thị H phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp số tiền 1.500.000 đồng tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ng số AA/2018/0005746 ngày 08/10/2019. Chị Trần Thị H còn phải nộp tiếp 1.000.000 đồng tiền án phí.

Về án phí phúc thẩm: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001041 ngày 05/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND huyện Lục Ng;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lục Ng;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hiền Ong Thân Thắng

Trần Thị Hà

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **109/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 30/11/2019
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Ông Giáp Văn Phẩm.

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ng tham gia phiên toà: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 403/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp “Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Trần Văn H** - Sinh năm 1971. (Vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt)

Công tác tại Phòng tham mưu Lữ đoàn 2, Quân đoàn x.

Địa chỉ: Thôn Ải - Phượng Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang.

* Bị đơn: Chị **Trần Thị H** - Sinh năm 1971. (Có mặt)

Trú quán: Thôn Hợp Thành – Trù Hựu - Lục Ngạn - Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2019 và những lời khai của nguyên đơn anh Trần Văn H, lời khai của bị đơn chị Trần Thị H và trong quá trình xét xử nội dung vụ án như sau:

Anh Trần Văn H kết hôn với chị Trần Thị H vào ngày 21 tháng 7 năm 1990. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai

bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Anh H chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là tỉnh Nam Định). Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng nhau ngay và ở chung với gia đình bên chồng tại thôn Kênh Đào - Minh Thuận - Vụ Bản - Hà Nam Ninh (nay là tỉnh Nam Định). Năm 2011 hai vợ chồng chuyển lên sinh sống tại thôn Hợp Thành, xã Trù H, huyện Lục Ng, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Anh H cho rằng từ tháng 4 năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không có sự đồng cảm, không tôn trọng nhau nên anh H sống ly thân chị H từ tháng 04 năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng với chị H không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Chị H thì cho rằng giữa chị và anh H phát sinh mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng từ cuối năm 2016, nguyên nhân do chị nghi ngờ anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không được, và hai vợ chồng anh chị sống ly thân nhau từ cuối năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa nên anh H xin ly hôn thì chị H nhất trí.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh H chị H có 02 con chung là cháu Trần Thị Thu Ph - Sinh ngày 04/6/1994, cháu Trần Trung H - Sinh ngày 04/8/2003. Vợ chồng ly hôn, cháu Ph đã lớn trên 18 tuổi, đã lập ra đình riêng tự lo được cuộc sống của mình nên anh H, chị H không có yêu cầu gì. Về cháu Trần Trung H anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết, chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H và yêu cầu anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 10.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Còn cháu Ph đã trưởng thành, tự lo được cho bản thân nên chị không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H, chị H đều xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không kê khai nên đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản. Về công nợ anh H trình bày vào tháng 12 năm 2016 do cần tiền để lo việc cho con gái nên vợ chồng anh có đến nhà chị Đỗ Thị H1 hỏi vay số tiền 50.000.000 đồng. Vợ chồng anh trực tiếp nhận số tiền trên. Khoản vay này chị H điện cho anh là đã trả xong cho chị H1 rồi. Anh xác định nguồn tiền chị H trả cho chị H1 là tiền của gia đình. Nay chị H yêu cầu anh phải trả số tiền 50.000.000 đồng anh không đồng ý. Nếu có

phải trả thì anh yêu cầu mỗi người trả 1 nửa là 25.000.000 đồng. Anh H trình bày anh H, chị H có vay của mẹ chị H là bà Hoàng Thị Liễu số tiền 10.000.000 đồng, đây là tiền nợ chung của vợ chồng, nhưng anh tự trả và ngày 03/11/2019 anh H đã đến nhà của chị Trần Thị Thúy ở ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (chị Thúy là em gái ruột của chị H) để trả lại bà Liễu số tiền 10.000.000 đồng và có làm đơn xác nhận có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, có chữ kí người nhận bà Hoàng Thị Liễu, người làm chứng chị Trần Thị Thúy. Vào tháng 01 năm 2017 vợ chồng anh H có cho vợ chồng anh Nguyễn Trí Kiên vay số tiền 30.000.000 đồng. Đến tháng 4 năm 2017 thì chị H gọi điện đòi nên vợ chồng anh Kiên đã đem tiền đến trả chị H mà không có mặt anh. Anh H đề nghị chị H phải trả 1 nửa số tiền cho anh vì đây là tài sản chung của vợ chồng.

Về ông nợ chị H trình bày: Vào ngày 09 tháng 12 năm 2016 chị có đến nhà chị Đỗ Thị H hỏi vay số tiền 50.000.000 đồng để cho anh H đi chi tiêu việc riêng cá nhân, số tiền này anh H nhận từ tay chị. Chị đã trả chị H rồi nên giờ chị yêu cầu anh H phải trả số tiền trên. Ngoài ra anh H còn vay mẹ chị H là bà Hoàng Thị Liễu số tiền 10.000.000 đồng, nay bà Liễu đã ủy quyền cho chị H, nên anh H phải trả cho chị số tiền này.

Cháu Trần Trung H trình bày nguyện vọng muốn ở với anh H.

Tại phiên tòa anh H có đơn đề nghị vắng mặt và vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu xin ly hôn, không đề nghị xem xét về công nợ. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H và giải quyết việc nuôi con chung, công nợ chung. Chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn. Anh H xin ly hôn thì chị H đồng ý.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh Trần Văn H. Cho anh Trần Văn H được ly hôn chị Trần Thị H.

-Về con chung: Giao cho anh Trần Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Trần Trung H - Sinh ngày 04/8/2003. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị H được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

Về tài sản không đặt ra xem xét giải quyết.

Về công nợ: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Trần Thị H. Buộc anh Trần Văn H phải trả cho chị Trần Thị H số tiền là 25.000.000 đồng.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng anh H và chị H trình bày anh H và chị H đã vay của bà Hoàng Thị Liễu, anh H nhận trả và ngày 03/11/2019 nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với số tiền anh H, chị H cho anh Nguyễn Trí Kiên vay, anh Kiên đã trả lại chị H và anh H có biết việc anh Kiên đã trả ngay hôm đó, và anh H cũng đã có đơn xin rút yêu cầu này. Nên Tòa án không đặt ra xem xét yêu cầu này của anh H.

Về án phí anh Trần Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Trả lại chị H số tiền 1.500.000 đồng mà chị H tại nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn số AA/2018/0005746 ngày 08/10/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Trần Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung và công nợ chung với chị Trần Thị H. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Văn H và chị Trần Thị H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 21 tháng 7 năm 1990, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện Vụ Bản, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là tỉnh Nam Định). Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Anh H làm đơn xin ly hôn chị H. Hội đồng xét xử nhận thấy anh H, chị H có mâu

thuần với nhau trong cuộc sống, do hai bên không còn quan tâm tới nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Trong quá trình làm việc anh H kiên quyết ly hôn, không muốn quay về đoàn tụ với chị H, tại phiên tòa hôm nay chị H cũng trình bày nếu anh H kiên quyết xin ly hôn chị H đồng ý. Xét thấy tình cảm hôn nhân giữa anh H và chị H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh H. Cho anh Trần Văn H được ly hôn chị Trần Thị H.

[3] Về con chung:

Anh H, chị H có 02 con chung là cháu Trần Thị Thu Ph - Sinh ngày 04/6/1994, cháu Trần Trung H - Sinh ngày 04/8/2003. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H, chị H không thống nhất việc nuôi con chung, không thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình làm việc tại tòa án anh H có trình bày cháu Ph đã lớn trên 18 tuổi, đã lập ra đình riêng tự lo được cuộc sống của mình nên anh H, chị H không có yêu cầu gì. Về cháu Trần Trung H anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H, việc cấp dưỡng nuôi con chung tự anh không yêu cầu chị H nên không đề nghị Tòa án giải quyết, tại phiên tòa hôm nay chị H trình bày chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H và yêu cầu anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 10.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Còn cháu Ph đã trưởng thành, tự lo được cho bản thân nên chị không có yêu cầu gì. Cháu Trần Trung H có nguyện vọng được ở với anh H. Nên để đảm bảo quyền lợi của con chung Hội đồng xét xử cần giao cháu Trần Trung H - Sinh ngày 04/8/2003 cho anh H được nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu H.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh H, chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về công nợ chung: Xét yêu cầu đòi nợ của chị Trần Thị H đối với anh Trần Văn H. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị H yêu cầu anh Trần Văn H phải trả cho chị 60.000.000 đồng. Trong tổng số tiền này có 10.000.000 đồng trước đây anh chị đã vay của mẹ đẻ chị là bà Hoàng Thị Liễu. Còn lại 50.000.000 đồng chị H cho rằng vợ chồng chị đã vay của chị Đỗ Thị Hường, sau đó anh H đã sử dụng toàn bộ số tiền trên vào mục đích cá nhân, số tiền

này chị đã trả cho chị H1 nên chị yêu cầu anh H phải trả cho chị hai khoản tiền là 60.000.000 đồng.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng anh H, chị H trình bày anh H và chị H đã vay của bà Hoàng Thị Liễu, số tiền này bà Liễu đã ủy quyền cho chị H đòi anh H. Số tiền trên anh H đã trả cho chị H nhưng chị H không nhận. Ngày 03/11/2019 anh H đã trả cho bà Hoàng Thị Liễu, bà Liễu đã nhận đủ số tiền trên (Có xác nhận của chính quyền địa phương) và không có yêu cầu gì thêm nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng vay của chị Đỗ Thị Hương, số tiền này anh H và chị H đều thừa nhận có được vay và chị H đã trả xong cho chị Hương. Đây là khoản vay chung của hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Anh H trình bày đã sử dụng số tiền trên để lo công việc cho con gái là cháu Trần Thị Thu Ph. Chị H cho rằng anh H đã sử dụng toàn bộ số tiền trên vào mục đích cá nhân nhưng chị H không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Mặc dù số tiền này chị đã trả cho chị H1 nhưng cần xác định đây cũng là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại điều 33 luật hôn nhân và gia đình. Do vậy việc chị H yêu cầu anh H phải trả lại cho chị toàn bộ số tiền trên là không có căn cứ. Do vậy cần bác yêu cầu trên của chị H.

Đối với số tiền chị H, anh H cho anh Nguyễn Trí Kiên vay, anh Kiên đã trả lại chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H có đề nghị tòa án xem xét về số tiền trên. Tại phiên tòa anh H vắng mặt tuy nhiên trong đơn đề nghị ngày 14/11/2019 anh H không yêu cầu nữa nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Yêu cầu của Trần Thị H không được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*** *Vì các lẽ trên.***

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27, Điều 37, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Văn H được ly hôn chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Trần Trung H - Sinh ngày 04/8/2003. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị H được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về vay nợ: Bác yêu cầu của chị Trần Thị H đòi anh Trần Văn H phải trả số tiền 50.000.000 đồng.

5. Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh H đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ng theo biên lai thu số: AA/2018/0005714 ngày 23/9/2019. Khoản tiền này chuyển thành án phí. Chị Trần Thị H phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp số tiền 1.500.000 đồng tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ng số AA/2018/0005746 ngày 08/10/2019. Chị Trần Thị H còn phải nộp tiếp 1.000.000 đồng tiền án phí.

Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Các hội thẩm nhân dân

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Việt Hùng